**NỘI DUNG HỌC TẬP TRỰC TUYẾN ĐỊA 12**

**TUẦN 9: TỪ 04/4 đến 09/4/2022**

**(BAN KHXH)**

**Bài 37: VẤN ĐỀ KHAI THÁC THẾ MẠNH Ở TÂY NGUYÊN**

- Gồm 5 tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đăk Lăk, Lâm Đồng, Đăk Nông.

**I. Ý nghĩa của việc phát triển kinh tế ở Tây Nguyên**

- Là vùng duy nhất ở nước ta không giáp biển.

- Các cao nguyên xếp tầng nằm sát duyên hải Nam trung bộ dài mà hẹp, giáp Hạ Lào. Đông bắc Campuchia. Vì vậy Tây Nguyên có vị trí đặc biệt về quốc phòng và xây dựng kinh tế.

- Đây là vùng có nhiều dân tộc ít người.

- Bảo vệ tài nguyên, môi trường cho vùng thượng nguồn và cả vùng hạ lưu.

**II.Những thuận lợi và khó khăn (HS tự học)**

**1. Thuận lợi**

- Khoáng sản có bôxit trữ lượng hàng tỉ tấn.

- Đất đai màu mỡ, cộng với sự đa dạng của tài nguyên khí hậu, rừng, đem lại cho Tây Nguyên những tiềm năng to lớn về nông nghiệp và công nghiệp.

- Trữ năng thủy điện trên các sông Xê Xan, XrêPôk và thượng nguồn sông Đồng Nai tương đối lớn.

- Là địa bàn cư trú của nhiều dân tộc ít người như Xu Đăng, Ba Na, Gia Rai, Ê Đê, với truyền thống văn hoá độc đáo.

**2. Khó khăn**

- Không giáp biển. nghèo khoáng sản.

- Vùng thưa dân nhất nước ta.

- Điều kiện kinh tế - xã hội còn gặp nhiều khó khăn, thiếu lao động lành nghề, cán bộ khoa học kĩ thuật.

- Mức sống của nhân dân còn thấp, trình độ dân trí chưa cao.

- Cơ sở hạ tầng thiếu nhiều như giao thông vận tải, y tế, giáo dục, dịch vụ, kỹ thuật…

- Công nghiệp của vùng đang trong giai đoạn hình thành với các trung tâm công nghiệp nhỏ và điểm công nghiệp.

**III. Phát triển cây công nghiệp lâu năm**

**1. Tiềm năng**

a. Thuận lợi

- Có tiềm năng to lớn về nông nghiệp và lâm nghiệp, đất đai và khí hậu thích hợp với việc trồng cây công nghiệp lâu năm.

- Đất ba dan có tầng phân hoá sâu, giàu chất dinh dưỡng, phân bố tập trung ở những mặt bằng thuận lợi cho việc thành lập các vùng chuyên canh cây công nghiệp quy mô lớn.

- Khí hậu mang tính chất cận xích đạo, thuận lợi phát triển các cây công nghiệp nhiệt đới. Có một mùa mưa và một mùa khô kéo dài thuận lợi phơi sấy sản phẩm. Khí hậu có sự phân hoá theo độ cao, những cao nguyên cao trên 1000m có khí hậu mát mẻ thuận lợi phát triển cây công nghiệp cận nhiệt.

- Đã thu hút hàng vạn lao động từ các vùng khác nhau tạo nguồn lao động dồi dào và tập quán sản xuất mới cho các dân tộc ở Tây Nguyên.

- Mạng lưới giao thông đã được nâng cấp đặc biệt là đường 14, các tuyến đường ngang như đường 19, đường 25…

- Có sự hợp tác đầu tư của nước ngoài và công nghiệp chế biến phát triển.

b. Khó khăn

- Mùa khô kéo dài, mực nước ngầm hạ thấp, làm thuỷ lợi gặp nhiều khó khăn, tốn kém và trở ngại cho sinh hoạt.

- Mùa mưa kéo dài sau mùa khô trên vùng đất ba dan vụn bở dễ bị xói mòn và rửa trôi.

**2. Tình hình phát triển cây công nghiệp**

- Cà phê là cây công nghiệp quan trọng của Tây Nguyên. Diện tích trồng cà phê ở Tây Nguyên hiện nay hơn 450 nghìn ha chiếm 4/5 diện tích cả nước, trong đó ở Đăk Lăk 259 nghìn ha, là tỉnh có diện tích lớn nhất.

+ Cà phê chè được trồng trên các cao nguyên tương đối cao, khí hậu mát như ở Gia Lai, Kom Tum, Lâm Đồng.

+ Cà phê vối được trồng ở những cao nguyên thấp hơn như Đăk Lăk.

+ Cà phê Buôn Mê Thuột nổi tiếng và có chất lượng cao.

- Chè được trồng trên các cao nguyên cao hơn như Lâm Đồng, Gia lai.

- Cao su đứng thứ hai sau Đông Nam bộ, được trồng nhiều ở Gia Lai, Đăk Lăk.

- Dâu tằm lớn nhất cả nước về diện tích và sản lượng, được trông nhiều ở Bảo Lộc, Đơn Dương, Đức Trọng (Lâm Đồng).

- Bên cạnh các nông trường quốc doanh trồng tập trung, ở Tây Nguyên hiện nay còn phát triển rộng rãi các mô hình kinh tế vườn trồng cà phê, hồ tiêu…

**3. Các giải pháp**

- Hoàn thiện quy hoạch các vùng chuyên canh cây công nghiệp, mở rộng diện tích cây công nghiệp có kế hoạch và có cơ sở khoa học, đi đôi với việc bảo vệ rừng và phát triển thuỷ lợi, đảm bảo nước tưới trong mùa khô.

- Đa dạng hoá cơ cấu cây trồng, để vừa hạn chế những rủi ro trong tiêu thụ sản phẩm, vừa sử dụng hợp lí tài nguyên.

- Đẩy mạnh khâu chế biến các sản phẩm cây công nghiệp và đẩy mạnh xuất khẩu.

- Ngăn chặn phá rừng bừa bãi, phát triển vốn rừng, có kế hoạch phát triển hợp lí diện tích cây công nghiệp.

- Ngăn chặn nạn du canh du cư lên Tây Nguyên.

- Chuyển giao công nghệ, giao đất giao rừng cho các vùng đồng bào dân tộc ít người.

**IV. Khai thác và chế biến lâm sản**

**1. Tiềm năng**

- Độ che phủ rừng 60%.

- Có nhiều gỗ quý như cẩm lai, gụ, mật, nghiến, trắc,…

- Nhiều chim thú quý như voi, bò tót, gấu…

- Rừng Tây Nguyên chiếm 36% đất rừng và 52% sản lượng gỗ của cả nước. Tây Nguyên là kho vàng xanh của cả nước.

**2. Hiện trạng**

- Có hàng chục lâm trường và các liện hiệp nông – lâm – công nghiệp lớn nhất nước ta như Kon Hà Nừng (Gia Lai), Ea sup (Đăk Lăk), Gia Nghĩa (Đăk Nông).

- Sản lượng gỗ không ngừng giảm từ 600 – 700 nghìn m3 vào cuối những năm 1980 nay chỉ còn khoảng 200 – 300 nghìn m3/năm.

- Do phá rừng dẫn đến lớp phủ rừng và trữ lượng các loại gỗ quý giảm xuống, môi trường của các loại chim thú bị đê doạ.

- Phần lớn gỗ khai thác được xuất khẩu dưới dạng gỗ tròn.

**3. Biện pháp**

-Ngăn chặn nạn phá rừng.

-Khai thác rừng hợp lí, đi đôi với khoanh nuôi, trồng rừng mới.

-Đẩy mạnh giao đất giao rừng.

-Đẩy mạnh chế biến gỗ, hạn chế xuất khẩu gỗ tròn.

**\*Ý nghĩa của việc phát triển lâm nghiệp**

- Tây Nguyên là kho vàng xanh của cả nước chiếm 36% đất rừng và 52% sản lượng gỗ của cả nước

- Rừng Tây Nguyên là nguồn cung cấp gỗ quí và nhiều lâm sản khác.

- Rừng Tây Nguyên là môi trường sống của động vật hoang dã, trong số đó có các loài động vật quí hiếm như voi, gấu, bò tót, tê giác.

- Rừng Tây Nguyên có vai trò quan trọng trong chống xói mòn đất và bảo vệ nguồn nước.

**V. Khai thác thuỷ năng kết hợp với thủy lợi**

- Tài nguyên nước trên các sông Sê San, Srê pôk, Đồng Nai… đang được sử dụng có hiệu quả hơn. Với các nhà máy:

+ Đa Nhim trên sông Đa Nhim công suất 160MW.

+ Đrây H’ling trên sông Srê pôk công suất 12MW.

- Từ những năm 1990, hàng loạt công trình thuỷ điện lớn đã và đang được xây dựng, hình thành nên các bậc thuỷ điện trên các tuyến sông.

+ Trên sông Sê San có Yali (720MW), Sê San 3, Sê San 3A, Sê San 4, Plây Krông… tổng công suất 1500MW.

+ Trên sông Srê pôk có 6 bậc thang thuỷ điện với tổng công suất 600MW.

+ Trên sông Đồng Nai có Đại Ninh (300MW), Đồng Nai 3 (180MW), Đồng Nai 4 (340MW)…

**\* Ý nghĩa của việc phát triển thuỷ điện ở Tây Nguyên**

- Khai thác tốt tiềm năng về thuỷ điện của vùng.

- Các ngành công nghiệp của vùng có thuận lợi hơn để phát triển như khai thác và chế biến bột nhôm từ nguồn bô xít rất lớn.

- Các hồ thuỷ điện còn đem lại nguồn nước tưới quan trọng trong mùa khô.

- Phát triển du lịch, nuôi trồng thuỷ sản.

- Chia nước từ lưu vực sông Đồng Nai sang các lưu vực sông ở cực nam trung bộ.

- Xây dựng chuổi các công trình thuỷ điện, vừa tránh phải xây dựng các công trình thuỷ điện quá lớn, vừa tiết kiệm thuỷ năng, điều tiết dòng chảy tốt hơn, kết hợp được thuỷ điện và thuỷ lợi.

**Bài 39: VẤN ĐỀ KHAI THÁC LÃNH THỔ THEO CHIỀU SÂU Ở ĐÔNG NAM BỘ**

- Bao gồm TP Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Đồng Nai và Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Diện tích 23.6 nghìn km2, vào loại nhỏ so với các vùng khác.

- Dân số 12 triệu người (2006) và lao động thuộc vào loại trung bình nhưng lại dẫn đầu cả nước về GDP (42%), giá trị sản lượng công nghiệp (55.6%) và giá trị hàng xuất khẩu.

- Là vùng có nền kinh tế hàng hoá sớm phát triển, có cơ cấu kinh tế công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ phát triển so với các vùng khác trong cả nước.

**I. Các thế mạnh, hạn chế của vùng: không dạy**

**II. Vấn đề khai thác lãnh thổ theo chiều sâu**

**1. Khái niệm**

Khai thác lãnh thổ theo chiều sâu là việc nâng cao hiệu quả khai thác lãnh thổ trên cơ sở đẩy mạnh đầu tư vốn, khoa học công nghệ, nhằm khai thác tốt nhất các nguồn lực tự nhiên và kinh tế – xã hội, đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, đồng thời giải quyết tốt các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường.

**2. Khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong công nghiệp**

a. Hướng khai thác

\* Phát triển nguồn điện

- Một số nhà máy thuỷ điện đã được xây dựng như Trị An (400MW) trên sông Đồng Nai, Thác Mơ (150MW) trên sông Bé, thuỷ điện Cần Đơn, dự án thuỷ điện Thác Mơ mở rộng….

- Các nhà máy điện tuốc bin khí được xây dựng và mở rộng như trung tâm điện lực Phú Mỹ với công suất thiết kế hơn 4000MW, trung tâm điện Bà Rịa…

- Một số nhà máy nhiệt điện chạy bằng dầu phục vụ cho các khu chế xuất đang được đầu tư xây dựng.

\*Phát triển lưới điện

- Đường dây siêu cao áp 500kV từ Hoà Bình đi Phú Lâm đã đưa vào hoạt động có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo nhu cầu năng lượng cho vùng.

- Các trạm biến áp, công trình trung thế, hạ thế đã được xây dựng theo quy hoạch.

b. Nguyên nhân

- Việc phát triển công nghiệp của vùng đặt ra nhu cầu lớn về năng lượng.

- Sự phát triển công nghiệp của vùng không tách rời xu thế mở rộng quan hệ đầu tư với nước ngoài.

- Những vấn đề về môi trường phải luôn luôn được quan tâm, tránh làm tổn hại đến ngành du lịch.

- Thiếu lao động có chuyên môn kĩ thuật cao.

- Vấn đề đang được đặt ra là quy hoạch không gian lãnh thổ.

**3. Trong nông nghiệp**

a. Hướng khai thác

\* Vấn đề thuỷ lợi có ý nghĩa hàng đầu

- Nhiều công trình thuỷ lợi được xây dựng, lớn nhất là hồ Dầu Tiếng (Tây Ninh) với dung tích trên 1.5 tỉ m3.

- Các công trình thuỷ lợi khác cũng được xây dựng trên sông Đồng Nai, sông Bé, sông La Ngà… vì vậy diện tích đất trồng và hệ số sử dụng đất cũng tăng.

\*Chuyển đổi cơ cấu cây trồng

- Cơ cấu cây trồng cũng được chuyển đổi và hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn nhất nước ta.

- Các cây trồng phát triển mạnh như cao su, cà phê, hồ tiêu, cọ dầu, mía, đậu tương…

\*Bảo vệ rừng

- Rừng đầu nguồn, ở thượng lưu các sông được bảo vệ để giữ hồ chứa nước và mực nước ngầm.

- Cần quy hoạch rừng ngập mặn và bảo vệ rừng quốc gia Nam Cát Tiên.

b. Nguyên nhân

- Tăng hệ số sử dụng đất, tăng diện tích gieo trồng, tăng năng suất cây trồng.

- Thiếu nước về mùa khô và ngập lụt về mùa mưa, nên để tiêu nước vào mùa mưa, tưới nước vào mùa khô.

- Thay thế một số vườn cao su đã bị già, cho năng suất và sản lượng ít.

**4. Phát triển tổng hợp kinh tế biển**

a. Vì sao phải khai thác tổng hợp kinh tế biển ở Đông Nam Bộ

- Vùng biển và bờ biển Đông Nam bộ có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển tổng hợp kinh tế biển

- Khai thác tài nguyên sinh vật biển, vùng biển có nhiều cá tôm và gần ngư trường lớn như Ninh Thuận – Bình Thuận – Bà Rịa – Vũng Tàu, Minh Hải – Kiên Giang.

- Khai thác khoáng sản thềm lục địa, việc phát hiện dầu khí với quy mô ngày càng lớn, có sự hợp tác đầu tư của nước ngoài, tác động đến sự phát triển kinh tế của vùng nhất là tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Du lịch biển, Vũng Tàu là nơi nghỉ mát lí tưởng của vùng Đông Nam bộ và cả nước. Còn là cơ sở dịch vụ lớn về khai thác dầu khí.

- Giao thông vận tải biển: Cảng Sài Gòn và Vũng Tàu là 2 cảng lớn thuận lợi tàu cập bến, là cửa ngỏ thông thương với các vùng khác, vận chuyển và chế biến dầu khí.

- Chú ý đến vấn đề ô nhiễm môi trường trong quá trình khai thác, vận chuyển và chế biến dầu mỏ.

b.Lí do vì sao phải bảo vệ môi trường biển ở Đông Nam bộ

- Vấn để phát triển tổng hợp kinh tế biển có ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành và thay đổi cơ cấu ngành và cơ cấu lãnh thổ kinh tế.

- Kinh tế biển gắn liền với vùng kinh tế ven biển dẫn đến ô nhiễm môi trường.

- Thể hiện ở việc khai thác khoáng sản trên thềm lục địa, khai thác tài nguyên sinh vật biển, du lịch biển và giao thông vận tải biển.

**Bài 41: VẤN ĐỀ SỬ DỤNG HỢP LÍ VÀ CẢI TẠO TỰ NHIÊN Ở ĐB SÔNG CỬU LONG**

**I. Điều kiện phát triển**

**1. Hợp phần lãnh thổ**

- ĐBSCL gồm 13 tỉnh, thành phố: Cần Thơ, Long An, Tiền Giang, An Giang, Hậu Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau.

- Diện tích 4 triệu ha (chiếm 12% diện tích toàn quốc).

- Là đồng bằng châu thổ lớn nhất cả nước.

**2. Các thế mạnh và hạn chế**

a. Thế mạnh

- Đất là tài nguyên quan trọng hàng đầu của ĐBSCL, gồm có 3 nhóm đất chính:

+ Đất phù sa nước ngọt, diện tích 1.2 triệu ha, phân bố thành một dải dọc sông Tiền và sông Hậu, đây là loại đất tốt nhất, độ phì tương đối cao, thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp.

+ Nhóm đất phèn có diện tích lớn nhất, 1.6 triệu ha. Bao gồm đất phèn ít, trung bình và nhiều. Phân bố chủ yếu ở Đồng Tháp Mười, Hà Tiên, bán đảo Cà Mau.

+ Nhóm đất mặn 75 vạn ha, phân bố thành vành đai ở biển Đông và vịnh Thái Lan.

- Khí hậu: Nền nhiệt đới ẩm, khí hậu của đồng bằng thể hiện rõ rệt tính chất cận xích đạo, thuận lợi cho phát triển sản xuất.

- Nước: Vai trò lớn nhất là sông Cửu Long, mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, cắt xẻ châu thổ thành những ô vuông, tạo điều kiện để phát triển giao thông, sản xuất và sinh hoạt.

- Sinh vật là nguồn tài nguyên có giá trị, thực vật chủ yếu là rừng tràm và rừng ngập mặn, động vật có giá trị nhất là cá và chim.

- Tài nguyên biển rất phong phú với hàng trăm bãi cá, bãi tôm và hơn nửa triệu ha mặt nước nuôi trồng thuỷ sản.

- Khoáng sản chủ yếu là đá vôi (Hà Tiên, Kiên Lương), than bùn (U Minh, tứ giác Long Xuyên). Ngoài ra còn có dầu khí ở thềm lục địa.

b. Hạn chế

- Mùa khô kéo dài từ tháng XII đến tháng IV năm sau, vì thế nước mặn xâm nhập sâu vào đất liền, làm tăng độ chua và mặn trong đất, ngoài ra còn ảnh hưởng của các tai biến thiên nhiên.

- Phần lớn diện tích là đất phèn, đất mặn. Đất thiếu dinh dưỡng, thiếu các nguyên tố vi lượng, đất quá chặt, khó thoát nước.

- Tài nguyên khoáng sản hạn chế.

**II. Sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên**

**1. Vì sao phải sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên**

- Thiên nhiên có nhiều ưu thế và được khai thác mạnh mẽ trong những năm gần đây.

- Sử dụng và khai thác hợp lí nhằm biến đồng bằng này thành một khu vực kinh tế quan trọng của đất nước trên cơ sở phát triển bền vững.

- Một số vấn đề khó khăn đang được đặt ra là thiếu nước vào mùa khô, đất bị nhiễm mặn, nhiễm phèn. Vì vậy phải thau chua rửa mặn, kết hợp giống mới.

- Diện tích rừng bị giảm sút do nhu cầu tăng diện tích đất nông nghiệp.

**2. Biện pháp sử dụng hợp lí**

- Khai thác hợp lí và bảo vệ môi trường.

- Chia ruộng thành những ô vuông nhỏ để có nước thau chua rửa mặn, tạo những giống lúa chịu được phèn, mặn…là biện pháp để sử dụng tốt nguồn nước ngọt ở các sông và trong lòng đất trong mùa khô.

- Duy trì và bảo vệ nguồn tài nguyên rừng. Sử dụng đúng mức trong việc khai thác rừng để phát triển nông nghiệp và nuôi trồng thuỷ sản, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Chuyển đổi cơ cấu kinh tế nhằm phá thế độc canh cây lúa.

- Khai thác kinh tế biển phải kết hợp với biển đảo, quần đảo và đất liền để tạo ra thế mạnh kinh tế liên hoàn.

- Cần chủ động sống chung với lũ, khai thác các nguồn lợi do lũ mang lại.

**Bài 42: VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, AN NINH QUỐC PHÒNG Ở BIỂN ĐÔNG**

**VÀ CÁC ĐẢO, QUẦN ĐẢO**

**I. Vùng biển và thềm lục địa nước ta giàu tài nguyên**

- Nước ta có vùng biển rộng: có 3260 km đường bờ biển, có các vùng biển rộng lớn, gấp nhiều lần đất liền, có hơn 4000 hòn đảo lớn nhỏ.

- Có nhiều điều kiện phát triển kinh tế biển

\* Nguồn lợi sinh vật biển:

+ Có độ sâu trung bình, vịnh Bắc Bộ và vịnh Thái Lan là vùng biển nông, nhiệt đới ấm quanh năm, niều ánh sáng, giàu oxi, độ muối trung bình khoảng 30 – 33%o, sinh vật biển phong phú, giàu thành phần loài, nhiều loài có giá trị kinh tế cao như cá, tôm, cua mực, đồi mồi, hải sâm, tổ yến…

+ Năng suất sinh học cao, nhất là vùng ven bờ.

+ Có trên 2000 loài cá, hơn 100 loài tôm, vài chục loài mực, hàng nghìn loài sinh vật phù du và sinh vật đáy.

+ Các rạn san hô cùng đông đảo các loài sinh vật kác ở ven các đảo nhất là Hoàng Sa, Trường Sa.

\* Tài nguyên khoáng sản, dầu mỏ và khí tự nhiên

+ Nguồn muối vô tận, hàm lượng muối cao nhất là ở các biên miền trung

+ Có nhiều sa khoáng như oxit titan có giá trị xuất khẩu cao, cát trắng ở Quảng Ninh, Khánh Hoà là nguồn nguyên liệu quý để làm thuỷ tinh, pha lê.

+ Vùng thềm lục địa có trử lượng lớn và giàu giá trị nhất là dầu khí (lớn nhất là bể Nam Côn Sơn và Cửu Long, tiếp đến là Thổ Chu – Mã Lai, sông Hồng và những vùng có thế chứa dầu khí khác).

\* Có điều kiện phát triển giao thông vận tải biển, gần các tuyến đường hàng hải quốc tế, có nhiều vùng biển kín, cửa sông thuận lợi xây dựng cảng sông và cảng biển.

\* Thuận lợi phát triển du lịch biển đảo: có nhiều bãi tắm đẹp, phong cảnh đẹp, khí hậu tốt, thuận lợi cho phát triển du lịch an dưỡng, du lịch thể thao.

**II. Các đảo và quần đảo có ý nghĩa chiến lược trong phát triển kinh tế và bảo vệ an ninh vùng biển:**

**1/ Thuộc vùng nước ta có hơn 4000 hòn đảo nhỏ:**

- HS đọc Atlat: kể tên 1 số hòn đảo lớn, quần đảo của VN …

- **Ý nghĩa:** Các đảo và quần đảo có ý nghĩa chiến lược trong phát triển kinh tế và bảo vệ an ninh vùng biển. Các đảo và quần đảo tạo thành hệ thống tiền tiêu bảo vệ đất liền, là cơ sở để khẳng định chủ quyền của nước ta đối với vùng biển và thềm lục địa quanh đảo.

**2/ Các huyện đảo ở nước ta:**

Đến năm 2006, nước ta có các huyện đảo sau:

- Huyện đảo Vân Đồn và huyện đảo Cô Tô (tỉnh Quảng Ninh)

- Huyện đảo Cát Hải và huyện đảo Bạch Long Vĩ (TP. Hải Phòng)

- Huyện đảo Cồn Cỏ (tỉnh Quảng Trị)

- Huyện đảo Hoàng Sa (TP. Đà Nẵng)

- Huyện đảo Lý Sơn (tỉnh Quảng Ngãi)

- Huyện đảo Trường Sa (tỉnh Khánh Hòa)

- Huyện đảo Phú Quý (tỉnh Bình Thuận)

- Huyện đảo Côn Đảo (tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)

- Huyện đảo Kiên Hải và huyện đảo Phú Quốc (tỉnh Kiên Giang)

**III. Khai thác tổng hợp các tài nguyên vùng biển và hải đảo**

**1. Tại sao phải khai thác tổng hợp**

- Hoạt động kinh tế biển đa dạng: đánh bắt và nuôi trồng hải sản, khai thác các đặc sản, khai thác khoáng sản trong nước biển và trong lòng đất, du lịch biển và giao thông vận tỉa biển. Chỉ có khai thác tổng hợp mới đem lại hiệu quả kinh tế cao và bảo vệ môi trường.

- Môi trường biển biển là không chia cắt được. Bởi vậy, một vùng biển bị ô nhiễm sẽ gây thiệt hại cho cả vùng bờ biển, cho các vùng nước và đảo xung quanh.

- Môi trường đảo, do sự biệt lập nhất định của nó, không giống như trên đất liền, lại do có diện tích nhỏ, nên rất nhạy cảm trước tác động của con người. Chẳng hạn, việc chặt phá rừng và lớp phủ thực vật có thể làm mất đi vĩnh viễn nguồn nước ngọt, biến đảo thành nơi con người không thể cư trú được.

**2. Khai thác tài nguyên sinh vật biển đảo**

- Việc đánh bắt thuỷ sản cần tránh khai thác quá mức nguồn lợi ven bờ, tránh khai thác quá mức các đối tượng đánh bắt có giá trị kinh tế cao, cấm sử dụng các phương tiện đánh bắt có tính chất huỷ diệt nguồn lợi.

- Đánh bắt xa bờ nhằm khai thác tốt hơn nguồn lợi hản sản, bảo vệ vùng trời, vùng biển và vùng thềm lục địa của nước ta.

**3. Khai thác tài nguyên khoáng sản**

a. Hiện trạng

- Nghề làm muối là nghề truyền thống, phát triển mạnh ở nhiều địa phương, nhất là duyên hải nam trung bộ. Hiện nay, việc sản xuất muối công nghiệp đã dược tiến hành và đem lại năng suất cao.

- Công tác thăm dò và khai thác dầu khí trên vùng thềm lục địa đã được đẩy mạnh cùng với việc mở rộng các dự án liên doanh với nước ngoài.

- Việc khai thác các mỏ khí tự nhiên và thu hồi khí đồng hành, đưa vào đất liền đã mở ra bước phát triển mới cho công nghiệp làm khí hoá lỏng, làm phân bón và sản xuất điện.

- Trong tương lai, các nhà máy lọc, hoá dầu được xây dựng và đi vào hoạt động sẽ nâng cao hơn nữa hiệu quả kinh tế của công nghiệp dầu khí.

b. Biện pháp: Tránh để xảy ra sự cố môi trường trong khi thăm dò, khai thác, vận chuyển và chế biến dầu khí.

**4. Phát triển du lịch**

a. Hiện trạng

- Các trung tâm du lịch biển đã được nâng cấp, nhiều vùng biển, đảo mới được đưa vào khai thác.

- Hình thành các khu du lịch Hạ Long, Cát Bà, Đồ Sơn, Nha Trang, Vũng Tàu…

b. Biện pháp

- Kết hợp phát triển du lịch biển đảo và các di tích lịch sử cách mạng.

- Bảo vệ môi trường biển và các hệ sinh thái ven biển.

**5. Giao thông vận tải**

a. Hiện trạng

- Hàng loạt cảng hàng hoá được cải tạo, nâng cấp như cụm cảng Sài Gòn, Hải Phòng, Quảng Ninh, Đà Nẵng…để phát triển kinh các tỉnh duyên hải và cả nước.

- Các cảng nước sâu được xây dựng như Cái Lân, Nghi Sơn, Vũng Áng, Dung Quất, Vũng Tàu…

- Các cảng nhỏ khác được xây dựng ở hầu hết các tỉnh ven biển.

- Các tuyến vận tải hàng hoá và hành khách thường xuyên đã nối liền các đảo với đất liền, góp phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội ở các tuyến đảo.

b. Biện pháp

- Cải tạo, nâng cấp các cụm cảng và cảng để nâng cao năng lực bốc dỡ hàng hóa. Xây dựng các cảng trung chuyển tầm cở quốc tế.

- Mở rộng các tuyến đường biển nọi địa và quốc tế.

- Chú ý bảo vệ môi trường biển.

**IV. Tăng cường hợp tác với các nước láng giềng trong giải quyết các vấn đề về biển và thềm lục địa**

- Biển Đông là biển chung giữa Việt Nam và nhiều nước láng giềng.

- Tạo ra sự phát triển ổn định trong khu vực, bảo vệ được lợi ích chính đáng của Nhà nước và nhân dân ta.

- Giữ vững chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nước ta.

- Việt Nam là nước Đông Nam Á lục địa có nhiều lợi ích nhất ở biển Đông. Vì vậy, mỗi công dân Việt Nam đề có bổn phận bảo vệ vùng biển và hải đảo của đất nước.

---Hết---